TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54 /2024/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 26 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 2001.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Lê Phú Q, sinh năm 2000.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Phú Q và chị Nguyễn Thị Bé T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ghi nhận anh Lê Phú Q và chị Nguyễn Thị Bé T có 01 con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 23/02/2021. Giao cho anh Lê Phú Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Phúc Đ. Sau khi ly hôn, anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Phú Q và chị Nguyễn Thị Bé T thống nhất có tài sản chung là số tiền 135.000.000 *(Một trăm ba mươi lăm triệu)* đồng tương đương với 03 cây vàng 24K quy ra tại thời điểm bán. Anh Lê Phú Q có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Bé T số tiền 45.000.000 *(Bốn mươi lăm triệu)* đồng, anh Q được quyền quản lý, sử dụng số tiền 90.000.000 *(Chín mươi triệu)* đồng còn lại.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé T tự nguyện chịu 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0000243 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị Nguyễn Thị Bé T được nhận lại số tiền 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 562.500 *(Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm, do chị Nguyễn Thị Bé T đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.550.000 *(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0000244 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri nên được khấu trừ. Chị Nguyễn Thị Bé T được nhận lại số tiền 987.500 *(Chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm)* đồng.

Anh Lê Phú Q phải chịu số tiền 1.125.000 *(Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- CCTHADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Tâm